

CHÍNH PHỦ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 88/2021/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 01 tháng 10 năm 2021

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định về thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện,
đấu giá, cấp phép, chuyển nhượng quyền sử dụng
tần số vô tuyến điện đối với băng tần**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Đấu giá tài sản ngày 17 tháng 11 năm 2016;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, đấu giá, cấp phép, chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần.

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Mức thu, phương thức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần có giá trị thương mại cao, nhu cầu sử dụng vượt quá khả năng phân bổ xác định trong quy hoạch tần số vô tuyến điện và đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định đấu giá.

Mức thu tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện quy định tại Nghị định này áp dụng trong trường hợp đấu giá, gia hạn giấy phép sử dụng băng tần và không bao gồm phí sử dụng tần số vô tuyến điện và lệ phí cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện.

2. Đấu giá, cấp phép và chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện chỉ áp dụng đối với băng tần có giá trị thương mại cao, nhu cầu sử dụng vượt quá khả năng phân bổ xác định trong quy hoạch tần số vô tuyến điện và đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định đấu giá.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xác định mức thu, thu, nộp tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện, đấu giá, cấp phép, chuyển nhượng quyền sử dụng tần số vô tuyến điện đối với băng tần.

Chương II

MỨC THU, PHƯƠNG THỨC THU TIỀN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG TẦN SỐ VÔ TUYẾN ĐIỆN

Điều 3. Xác định mức thu cơ sở khi sử dụng thông tin về tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện tại Việt Nam

1. Trường hợp Việt Nam đã xác định được tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện của băng tần cùng loại với băng tần cần xác định mức thu cơ sở quy định tại khoản 2 Điều này trong thời gian 05 năm trở về trước kể từ ngày Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về tổ chức xác định mức thu cơ sở có hiệu lực, thì mức thu cơ sở được xác định theo quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Băng tần cùng loại với băng tần cần xác định mức thu cơ sở (sau đây gọi là băng tần cùng loại) là băng tần cùng trong một quy hoạch băng tần theo chuẩn hóa của Dự án đối tác thế hệ thứ ba (cùng mã băng tần hoạt động - operating band) với băng tần cần xác định mức thu cơ sở hoặc có phần trùng nhau và có cùng phương thức truyền dẫn song công với băng tần cần xác định mức thu cơ sở.

3. Mức thu cơ sở được xác định như sau:

$$MTCS_{MHz} = \sum_{i=1}^n \frac{\frac{MT_i}{GP_i \times BT_i} \times C_i}{n}$$

Trong đó:

$MTCS_{MHz}$ là mức thu cơ sở cho một Mê-ga-héc (MHz) cho 01 năm (12 tháng) được phép sử dụng, đơn vị tính là Đồng Việt Nam/MHz/năm;

n là số lượng mẫu đã thu được tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện của băng tần cùng loại trong thời gian 05 năm trở về trước kể từ ngày Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về tổ chức xác định mức thu cơ sở có hiệu lực;

MT_i là tổng số tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện của khối băng tần cùng loại tương ứng với mẫu thứ i (không bao gồm phí, lệ phí), đơn vị tính là Đồng Việt Nam;

BT_i là tổng độ rộng của khối băng tần cùng loại tương ứng với mẫu thứ i , đơn vị tính là Mê-ga-héc (MHz);

GP_i là thời hạn giấy phép cấp cho khối băng tần cùng loại tương ứng với mẫu thứ i , đơn vị tính là năm;

C_i là chỉ số giá tiêu dùng đối với lĩnh vực bưu chính viễn thông tại thời điểm gần nhất với thời điểm Quyết định của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về tổ chức xác định mức thu cơ sở có hiệu lực (sau đây gọi là thời điểm xác định mức thu cơ sở) so với chỉ số này tại thời điểm Bộ Thông tin và Truyền thông thông báo bằng văn bản về số tiền các doanh nghiệp phải nộp tương ứng với mẫu thứ i , đơn vị tính là phần trăm (%). Chỉ số giá tiêu dùng đối với lĩnh vực bưu chính viễn thông tại từng thời điểm được lấy theo công bố của Tổng cục Thống kê.

Điều 4. Xác định mức thu cơ sở khi sử dụng thông tin về tiền trúng đấu giá băng tần tại các quốc gia và vùng lãnh thổ

1. Trường hợp Việt Nam chưa xác định được tiền cấp quyền sử dụng tần số vô tuyến điện của băng tần cùng loại trong thời gian 05 năm trở về trước kể từ thời điểm xác định mức thu cơ sở, thì mức thu cơ sở được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Mức thu cơ sở được xác định như sau:

$$MTCS_{MHz} = DS_{vn} \times TG_{vn} \times \sum_{i=1}^n \frac{\frac{T_i}{BT_i \times DS_i \times GP_i} \times \frac{CPI_{T_i}}{CPI_{D_i}} \times TG_i \times \frac{GDP_{VN}}{GDP_i}}{n}$$

Trong đó:

$MTCS_{MHz}$ là mức thu cơ sở cho một Mê-ga-héc (MHz) cho 01 năm (12 tháng) được phép sử dụng, đơn vị tính là Đồng Việt Nam/MHz/năm;

n là số lượng mẫu được lựa chọn, ưu tiên lựa chọn các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ có thu nhập bình quân đầu người danh định (GDP/capita) gần nhất với Việt Nam, $n \geq 3$; mỗi quốc gia chỉ lấy một mẫu duy nhất.

DS_{vn} là dân số Việt Nam được công bố tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xác định mức thu cơ sở, đơn vị tính là người;

TG_{vn} là tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ được công bố tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xác định mức thu cơ sở;

T_i là tổng số tiền trúng đấu giá của băng tần cùng loại của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ tương ứng với mẫu thứ i , đơn vị tính là đơn vị tiền tệ áp dụng tại cuộc đấu giá của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó;

BT_i là tổng độ rộng của băng tần cùng loại tương ứng với mẫu thứ i , đơn vị tính là Mê-ga-héc (MHz);

DS_i là dân số của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ tương ứng với mẫu thứ i được công bố tại thời điểm gần nhất trước thời điểm kết quả đấu giá được công bố, đơn vị tính là người;

GP_i là thời hạn giấy phép cấp cho băng tần cùng loại tương ứng với mẫu thứ i , đơn vị tính là năm;

CPI_T_i là chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ tương ứng với mẫu thứ i được công bố tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xác định mức thu cơ sở;

CPI_D_i là chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ tương ứng với mẫu thứ i được công bố tại thời điểm gần nhất trước thời điểm kết quả đấu giá được công bố;

GDP_{VN} là chỉ số thu nhập bình quân đầu người danh định (GDP/capita) của Việt Nam được công bố tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xác định mức thu cơ sở, đơn vị tính là Đô la Mỹ;

GDP_i là chỉ số thu nhập bình quân đầu người danh định (GDP/capita) của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ tương ứng với mẫu thứ i được công bố tại thời điểm gần nhất trước thời điểm kết quả đấu giá được công bố, đơn vị tính là Đô la Mỹ;

TG_i là tỷ giá quy đổi từ đồng nội tệ của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ tương ứng với mẫu thứ i ra Đô la Mỹ được công bố tại thời điểm gần nhất trước thời điểm xác định mức thu cơ sở ($TG_i = 1$ trong trường hợp đồng tiền sử dụng trong đấu giá là Đô la Mỹ).

3. Việc lựa chọn quốc gia hoặc vùng lãnh thổ để lấy mẫu so sánh phải đáp ứng đồng thời các tiêu chí sau:

a) Thời điểm quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đấu giá băng tần cùng loại phải trong thời gian 05 năm trở về trước kể từ thời điểm xác định mức thu cơ sở, nếu không có đủ ba mẫu để so sánh trong vòng 05 năm thì mở rộng đến 07 năm, nếu vẫn không có đủ ba mẫu thì mở rộng tiếp đến 10 năm;

b) Thời hạn được phép sử dụng băng tần sau khi trúng đấu giá phải từ 10 năm trở lên;

c) Đấu giá quyền sử dụng băng tần trên phạm vi toàn quốc; không sử dụng mẫu từ quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đấu giá theo khu vực địa lý.

4. Yêu cầu về việc thu thập số liệu

a) Số liệu về số tiền, độ rộng băng tần, thời hạn được phép sử dụng băng tần của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ lấy từ nguồn do cơ quan quản lý nhà nước của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó công bố;

b) Số liệu về dân số, thu nhập bình quân đầu người danh định (GDP/capita) tại các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ và Việt Nam được lấy trên website của Ngân hàng Thế giới (World Bank). Trường hợp quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nào không có số liệu từ World Bank thì lấy số liệu từ cơ quan quản lý của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó;

c) Số liệu về tỷ giá giữa đồng nội tệ của các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ lấy trên website x-rates.com. Trường hợp, không có số liệu trên website x-rates.com thì lấy từ website chuyên cung cấp tỷ giá. Số liệu về tỷ giá trung tâm của Đồng Việt Nam với Đô la Mỹ lấy từ website Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

d) Số liệu về chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tại các quốc gia hoặc vùng lãnh thổ lấy từ website của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF) và lấy giá trị CPI truyền thông (CPI communication), trường hợp không có số liệu về CPI truyền thông thì lấy giá trị CPI chung (CPI all items). Trường hợp quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nào không có số liệu từ IMF thì lấy từ cơ quan quản lý của quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó.

Điều 5. Quy trình quyết định mức thu cơ sở

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ra quyết định tổ chức xác định mức thu cơ sở; tổ chức xác định mức thu cơ sở theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Nghị định này và kết quả do tổ chức đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá xác định; gửi Bộ Tài chính cho ý kiến kèm theo hồ sơ thuyết minh cách xác định mức thu cơ sở.

2. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Tài chính có ý kiến bằng văn bản đối với mức thu cơ sở.

3. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông quyết định mức thu cơ sở sau khi nhận được ý kiến của Bộ Tài chính.